

KH TT - tham mưu kế hoạch thực hiện đề án

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	
Số: 738/QĐ-UBND	
ĐẾN Số: 746	
Ngày: 25/4/2019	
Chuyên:	

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí và Quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 315/QĐ-UBND, ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc áp dụng một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 30/TTr-SNN ngày 02 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019 - 2020, chi

tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Phạm vi, đối tượng thực hiện: Các thôn thuộc các xã ~~trong danh sách xã~~ khó khăn dưới 10 tiêu chí khu vực biên giới tại Phụ lục I ~~ban hành kèm theo~~ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện, xã tổ chức triển khai thực hiện, lồng ghép các chương trình, dự án để ưu tiên, hỗ trợ đầu tư cho các thôn ~~đang~~ ký phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch.

b) UBND các huyện căn cứ Quyết định này tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện; thẩm định, xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn. Hàng năm tổ chức rà soát đánh giá mức độ hoàn thành từng tiêu chí xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn theo quy định. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chánh Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (PVP).

55

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Phạm Ngọc Thương

Phu lục I.



**BỘ TIÊU CHÍ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2019-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 78/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo đi lại thuận tiện; Bề rộng nền tối thiểu là 3,0m; Bề rộng mặt tối thiểu là 2,0m; có các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo theo quy định.	≥ 50%
		1.2. Đường ngõ, xóm: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa; chiều rộng mặt đường nhỏ nhất là 1,0m	≥ 50%
		1.3. Đường trục chính nội đồng: Không lầy lội, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện.	Đạt
2	Thủy lợi	2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%
		2.2. Đáp ứng các yêu cầu về phòng chống thiên tai	Đạt
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%
4	Cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Nhà văn hóa thôn - Diện tích đất quy hoạch nhà văn hóa từ 100 m ² trở lên; - Có hội trường nhà văn hóa tối thiểu từ 50 chỗ ngồi trở lên; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì bảo đảm đủ chỗ ngồi tương ứng với số hộ trong thôn. - Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì chưa cần thiết có sân khấu. - Công trình phụ trợ: Có nhà vệ sinh, khuyến khích có tường rào bảo vệ. - Trang thiết bị: Đạt 80% trở lên; Trường hợp khó khăn kinh phí bảo đảm trang bị tối thiểu như bàn, ghế, các trang thiết bị còn lại sẽ bố trí dần qua các năm.	Đạt
		4.2. Có sân tập thể thao đơn giản	Đạt
		4.3. Trường hợp sử dụng Đình làng hoặc điểm sinh hoạt công cộng khác làm nơi hoạt động văn hóa, thể thao mà đảm bảo diện tích, có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn của nhà văn hóa vẫn được tính có nhà văn hóa thôn.	Đạt
5	Thông tin và truyền thông	Có dịch vụ viễn thông, internet đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trong thôn.	Đạt

6	Nhà ở dân cư	6.1. Trên địa bàn thôn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát	Đạt
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	≥75%
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn (triệu đồng/người/năm)	2019≥33 2020≥36
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤12%
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển cộng đồng	Đạt
11	Giáo dục và đào tạo	11.1. Các tiêu chuẩn về người học đối với giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ được đảm bảo theo tiêu chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ	Đạt
		11.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥70%
		11.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤26,7%
13	Văn hóa	13.1. Thôn được công nhận và giữ danh hiệu “Thôn văn hóa”	Đạt
		13.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	≥70%
		13.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan	≥75%
		13.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, bản; tham gia cuộc vận động xây dựng nông thôn mới.	100%
14	Môi trường và an toàn thực phẩm	14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥90% ≥50%
		14.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		14.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		14.4. Mai táng phù hợp theo quy định	Đạt
		14.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		14.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥70%

		14.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%
		14.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
15	Hệ thống chính trị	15.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		15.2. Chi bộ đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”	Đạt
		15.3. Các tổ chức đoàn thể đạt loại khá trở lên	Đạt
		15.4. Có Ban phát triển thôn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận	Đạt
		15.5. 100% người dân cam kết thực hiện quy ước, hương ước của cộng đồng	Đạt
		15.6. Có kế hoạch thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí được UBND xã xác nhận, lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng	Đạt
		15.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
16	Quốc phòng và an ninh	16.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng.	Đạt
		16.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người vượt cấp kéo dài;	Đạt
		16.3. Không để xảy ra trọng án; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước	Đạt
		16.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an	Đạt



QUY TRÌNH CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2019-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Đăng ký thôn đạt chuẩn nông thôn mới

- Ban Phát triển thôn đăng ký công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá (01 bản, theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo). UBND cấp huyện ưu tiên đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thôn đã đạt chuẩn từ 10 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá. Trường hợp thôn chưa đăng ký công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá.

Thành phần Ban phát triển thôn là những người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai do cộng đồng thôn trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã có quyết định công nhận (gồm người đại diện lãnh đạo thôn, đại diện các đoàn thể chính trị và hội ở thôn và một số người có năng lực chuyên môn khác liên quan đến xây dựng nông thôn mới). Ban phát triển thôn có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

+ Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, cộng đồng thôn trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan tư vấn, tổ chức hỗ trợ nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn.

+ Tổ chức lấy ý kiến của người dân trong thôn tham gia góp ý vào bản quy hoạch, bản đề án xây dựng nông thôn mới chung của xã theo yêu cầu của Ban quản lý xã.

+ Tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng do Ban quản lý xã giao nằm trên địa bàn thôn (đường giao thông, đường điện liên xóm, liên gia; xây dựng trường mầm non, nhà văn hóa thôn).

+ Tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua giữa các xóm, các hộ tập trung cải tạo ao, vườn, chỉnh trang công ngõ, tường rào để có cảnh quan đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn; cải tạo hệ thống tiêu, thoát nước; cải tạo, khôi phục các ao hồ sinh thái; trồng cây xanh nơi công cộng, xử lý rác thải.

+ Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn và tham gia các phong trào thi đua do xã phát động.

+ Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo và giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo.

+ Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn. Thành lập các nhóm quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu bàn giao.

+ Đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm; Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, nội quy phát triển thôn.

- UBND xã kiểm tra và nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký thôn đạt chuẩn nông thôn mới (01 bản, theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo) đến UBND cấp huyện để đưa vào kế hoạch thực hiện. Ưu tiên lựa chọn thôn đã đạt từ 10 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký để đăng ký đưa vào Kế hoạch của UBND huyện.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã, Ban phát triển thôn về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thôn đạt chuẩn nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với thôn chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Trình tự thủ tục xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới

2.1. Ban phát triển thôn tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

2.2. UBND xã tổ chức thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

2.3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới

3.1. Tổ chức tự đánh giá:

Ban phát triển thôn tổ chức tự đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng chỉ tiêu, tiêu chí thôn nông thôn mới và báo cáo Ban chỉ đạo, UBND xã.

3.2. Tổ chức lấy ý kiến:

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới sẽ được thông báo công khai tại Nhà văn hóa thôn trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân.

- Ban phát triển thôn tổ chức họp thôn để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Yêu cầu cuộc họp phải có $\geq 90\%$ số hộ dân trong thôn tham dự, lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

3.3. Hoàn thiện hồ sơ:

- Ban phát triển thôn hoàn thiện báo cáo theo ý kiến tham gia của người dân; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới khi ý kiến thống nhất của đại diện hộ dân trong thôn tại cuộc họp do Ban phát triển

thôn tổ chức đạt 90% trở lên, trình Ban chỉ đạo Nông thôn mới xã, Ủy ban nhân dân xã.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn gồm:

(1) Tờ trình của Ban Phát triển thôn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản chính, theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo);

(3) Biên bản họp thôn (bản chính, theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo);

(4) Các văn bản chứng minh đánh giá đạt tiêu chí thôn nông thôn mới (có xác nhận của Trưởng thôn)

(5) Công văn đăng ký phân đấu thôn phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Tổ chức thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới

4.1. Tổ chức thẩm tra:

UBND xã thành lập Đoàn thẩm tra (gồm lãnh đạo Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các chỉ tiêu, tiêu chí) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí thôn nông thôn mới; các thành viên theo lĩnh vực phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm tra gửi về bộ phận tổng hợp để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo nông thôn mới, UBND xã.

4.2. Tổ chức lấy ý kiến:

UBND xã tổng hợp danh sách các thôn đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới niêm yết tại nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn hoặc công bố trên hệ thống truyền thanh 10 ngày để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn xã.

4.3. Hoàn thiện hồ sơ:

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã) để lấy ý kiến thống nhất danh sách thôn được đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã có mặt. UBND xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định. Số lượng 01 bộ hồ sơ.

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất trước ngày 15 tháng 11 của năm đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới gồm:

(1) Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Phụ lục 06 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng thôn và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Phụ lục 07 ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xã (bản chính, theo Phụ lục 08 ban hành kèm theo);

(4) Kèm theo hồ sơ của thôn được quy định tại nội dung hồ sơ cấp thôn nêu trên.

5. Tổ chức thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới

5.1. Tổ chức thẩm định:

UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định thôn đạt chuẩn nông thôn mới (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của các thôn được đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới; các thành viên theo lĩnh vực phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm định gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện để báo cáo Ban chỉ đạo, UBND cấp huyện.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận các thôn đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã, thôn về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng thôn trên địa bàn từng xã; nêu rõ lý do thôn chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

5.2. Tổ chức xét, công nhận:

UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (gọi tắt Hội đồng thẩm định) gồm đại diện các đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan. Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới cho từng thôn (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt tỷ lệ từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định;

5.3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới gồm:

(1) Tờ trình của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục 09 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục 11 ban hành kèm theo);

(4) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của xã.

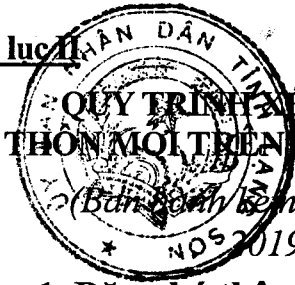
5.4. Mẫu bằng công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

Mẫu Bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được ban hành theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo.

6. Tổ chức công bố

Chủ tịch UBND cấp huyện công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên Đài Truyền thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của huyện.

Thời hạn tổ chức công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới là không quá 60 ngày, kể từ ngày có quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới do UBND cấp xã thực hiện trên địa bàn thôn được công nhận đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.



QUY TRÌNH XÉT CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2019-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Đăng ký thôn đạt chuẩn nông thôn mới

- Ban Phát triển thôn đăng ký công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá (01 bản, theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo). UBND cấp huyện ưu tiên đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thôn đã đạt chuẩn từ 10 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá. Trường hợp thôn chưa đăng ký công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá.

Thành phần Ban phát triển thôn là những người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai do cộng đồng thôn trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã có quyết định công nhận (gồm người đại diện lãnh đạo thôn, đại diện các đoàn thể chính trị và hội ở thôn và một số người có năng lực chuyên môn khác liên quan đến xây dựng nông thôn mới). Ban phát triển thôn có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

+ Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, cộng đồng thôn trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan tư vấn, tổ chức hỗ trợ nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn.

+ Tổ chức lấy ý kiến của người dân trong thôn tham gia góp ý vào bản quy hoạch, bản đề án xây dựng nông thôn mới chung của xã theo yêu cầu của Ban quản lý xã.

+ Tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng do Ban quản lý xã giao nằm trên địa bàn thôn (đường giao thông, đường điện liên xóm, liên gia; xây dựng trường mầm non, nhà văn hóa thôn).

+ Tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua giữa các xóm, các hộ tập trung cải tạo ao, vườn, chỉnh trang công ngõ, tường rào để có cảnh quan đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn; cải tạo hệ thống tiêu, thoát nước; cải tạo, khôi phục các ao hồ sinh thái; trồng cây xanh nơi công cộng, xử lý rác thải.

+ Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn và tham gia các phong trào thi đua do xã phát động.

+ Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo và giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo.

+ Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn. Thành lập các nhóm quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu bàn giao.

+ Đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm; Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, nội quy phát triển thôn.

- UBND xã kiểm tra và nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký thôn đạt chuẩn nông thôn mới (01 bản, theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo) đến UBND cấp huyện để đưa vào kế hoạch thực hiện. Ưu tiên lựa chọn thôn đã đạt từ 10 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký để đăng ký đưa vào Kế hoạch của UBND huyện.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã, Ban phát triển thôn về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thôn đạt chuẩn nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với thôn chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Trình tự thủ tục xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới

2.1. Ban phát triển thôn tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

2.2. UBND xã tổ chức thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

2.3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới

3.1. Tổ chức tự đánh giá:

Ban phát triển thôn tổ chức tự đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng chỉ tiêu, tiêu chí thôn nông thôn mới và báo cáo Ban chỉ đạo, UBND xã.

3.2. Tổ chức lấy ý kiến:

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới sẽ được thông báo công khai tại Nhà văn hóa thôn trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân.

- Ban phát triển thôn tổ chức họp thôn để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Yêu cầu cuộc họp phải có $\geq 90\%$ số hộ dân trong thôn tham dự, lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

3.3. Hoàn thiện hồ sơ:

- Ban phát triển thôn hoàn thiện báo cáo theo ý kiến tham gia của người dân; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới khi ý kiến thống nhất của đại diện hộ dân trong thôn tại cuộc họp do Ban phát triển

thôn tổ chức đạt 90% trở lên, trình Ban chỉ đạo Nông thôn mới xã, Ủy ban nhân dân xã.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn gồm:

(1) Tờ trình của Ban Phát triển thôn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản chính, theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo);

(3) Biên bản họp thôn (bản chính, theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo);

(4) Các văn bản chứng minh đánh giá đạt tiêu chí thôn nông thôn mới (có xác nhận của Trưởng thôn)

(5) Công văn đăng ký phân đấu thôn phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Tổ chức thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới

4.1. Tổ chức thẩm tra:

UBND xã thành lập Đoàn thẩm tra (gồm lãnh đạo Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các chỉ tiêu, tiêu chí) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí thôn nông thôn mới; các thành viên theo lĩnh vực phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm tra gửi về bộ phận tổng hợp để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo nông thôn mới, UBND xã.

4.2. Tổ chức lấy ý kiến:

UBND xã tổng hợp danh sách các thôn đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới niêm yết tại nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn hoặc công bố trên hệ thống truyền thanh 10 ngày để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn xã.

4.3. Hoàn thiện hồ sơ:

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã) để lấy ý kiến thống nhất danh sách thôn được đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã có mặt. UBND xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định. Số lượng 01 bộ hồ sơ.

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất trước ngày 15 tháng 11 của năm đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới gồm:

(1) Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Phụ lục 06 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng thôn và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Phụ lục 07 ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xã (bản chính, theo Phụ lục 08 ban hành kèm theo);

(4) Kèm theo hồ sơ của thôn được quy định tại nội dung hồ sơ cấp thôn nêu trên.

5. Tổ chức thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới

5.1. Tổ chức thẩm định:

UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định thôn đạt chuẩn nông thôn mới (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của các thôn được đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới; các thành viên theo lĩnh vực phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm định gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện để báo cáo Ban chỉ đạo, UBND cấp huyện.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận các thôn đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã, thôn về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng thôn trên địa bàn từng xã; nêu rõ lý do thôn chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

5.2. Tổ chức xét, công nhận:

UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (gọi tắt Hội đồng thẩm định) gồm đại diện các đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan. Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới cho từng thôn (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt tỷ lệ từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định;

5.3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới gồm:

(1) Tờ trình của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục 09 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục 11 ban hành kèm theo);

(4) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của xã.

5.4. Mẫu bằng công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

Mẫu Bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được ban hành theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo.

6. Tổ chức công bố

Chủ tịch UBND cấp huyện công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên Đài Truyền thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của huyện.

Thời hạn tổ chức công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới là không quá 60 ngày, kể từ ngày có quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới do UBND cấp xã thực hiện trên địa bàn thôn được công nhận đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~738~~ /QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ
THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đăng ký “Thôn đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi: UBND xã

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Tính đến tháng năm, thôn có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020) và có đủ điều kiện phân đầu thôn đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn, Ban Phát triển thôn đăng ký và cam kết thôn sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm..... để được công nhận “Thôn đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phu lục 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc •**

Số:...../UBND-....

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký “Thôn đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

Kính gửi: UBND huyện

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới và văn bản đăng ký của Ban Phát triển nông thôn mới các thôn.....

Tính đến tháng năm, xã có thôn đã đạt chuẩn theo quy định từ đến tiêu chí nông thôn mới (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020) và có đủ điều kiện phấn đấu thôn đạt chuẩn nông thôn mới trong năm gồm:

Thôn đạt/.....(tổng số) tiêu chí, đạt%

Thôn đạt/.....(tổng số) tiêu chí, đạt%

.....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn các thôn nêu trên, Ủy ban nhân dân xã đăng ký và cam kết thôn nêu trên sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm..... để được công nhận “Thôn đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

-.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phu lục 03

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

THÔN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Quyết định .../QĐ-UBND ngày.../.../20.... của UBND xã Về việc phê duyệt Đề án (phương án) xây dựng nông thôn mới của thôn và Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ngày .../.../201... của thôn

Căn cứ kết quả tự đánh giá thực tế, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn

Căn cứ Biên bản họp thôn ngày/...../20..... của thôn và kết quả lấy phiếu xét đánh giá sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Ban Phát triển thôn đề nghị UBND xã thẩm tra, đề nghị xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tờ trình về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm
2. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản chính)
3. Biên bản họp thôn đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Quyết định của UBND xã về việc phê duyệt Đề án (phương án) xây dựng nông thôn mới của thôn và thuyết minh Đề án (phương án) xây dựng nông thôn mới của thôn

5. Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn nông thôn mới
Kính đề nghị UBND xã xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phu lục 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của thôn

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Công tác tổ chức, triển khai

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

d) Xây dựng cơ sở hạ tầng

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ..... triệu đồng, chiếm %

- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí thôn tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung duy trì, nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Thôn, xã, huyện.....
(Kèm theo Báo kết quả xây dựng nông thôn mới nămthôn.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo đi lại thuận tiện; Bề rộng nền tối thiểu là 3,0m; Bề rộng mặt tối thiểu là 2,0m; có các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo theo quy định	≥ 50%
		1.2. Đường ngõ, xóm: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa; bề rộng mặt đường tối thiểu là 1,0m	≥ 50%
		1.3. Đường trục chính nội đồng: Không lầy lội, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện.	Đạt
2	Thủy lợi	2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%
		2.2. Đáp ứng các yêu cầu về phòng chống thiên tai	Đạt
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%
4	Cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Nhà văn hóa thôn - Diện tích đất quy hoạch nhà văn hóa từ 100 m ² trở lên; - Có hội trường nhà văn hóa tối thiểu từ 50 chỗ ngồi trở lên; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì bảo đảm đủ chỗ ngồi tương ứng với số hộ trong thôn. - Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì chưa cần thiết có sân khấu. - Công trình phụ trợ: Có nhà vệ sinh, khuyến khích có tường rào bảo vệ. - Trang thiết bị: Đạt 80% trở lên; Trường hợp khó khăn kinh phí bảo đảm trang bị tối thiểu như bàn, ghế, các trang thiết bị còn lại sẽ bố trí dần qua các năm.	Đạt
		4.2. Có sân tập thể thao đơn giản	Đạt
		4.3. Trường hợp sử dụng đình làng hoặc điểm sinh hoạt công cộng khác làm nơi hoạt động văn hóa, thể thao mà đảm bảo diện tích, có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn của nhà văn hóa vẫn	Đạt

		được tính có nhà văn hóa thôn.	
5	Thông tin và truyền thông	5.1. Có dịch vụ viễn thông, internet đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trong thôn.	Đạt
		5.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã hoặc hệ thống loa tại thôn đang sử dụng tốt cho mục đích thông tin, tuyên truyền	
6	Nhà ở dân cư	6.1. Trên địa bàn thôn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát	Đạt
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	≥75%
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn (<i>triệu đồng/người/năm</i>)	2019: ≥33 2020: ≥36
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤ 12%
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển công đồng	Đạt
11	Giáo dục và đào tạo	11.1. Các tiêu chuẩn về người học đối với giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ được đảm bảo theo tiêu chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ	Đạt
		11.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥ 70%
		11.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 25%
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 26.7%
13	Văn hóa	13.1. Thôn được công nhận và giữ danh hiệu “Thôn văn hóa”	Đạt
		13.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	≥ 70
		13.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan	≥ 75
		13.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, bản; tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%

14	Môi trường và an toàn thực phẩm	14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥90% (≥50% nước sạch)
		14.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		14.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - Đẹp, an toàn	Đạt
		14.4. Mai táng phù hợp theo quy định	Đạt
		14.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		14.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%
		14.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%
		14.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
15	Hệ thống chính trị	15.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		15.2. Chi bộ đạt "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ"	Đạt
		15.3. Các tổ chức đoàn thể đạt loại khá trở lên	Đạt
		15.4. Có Ban phát triển thôn hoạt động theo quỹ chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận	Đạt
		15.5. 100% người dân cam kết thực hiện quy ước, hương ước của cộng đồng	Đạt
		15.6. Có kế hoạch thực hiện từng các chỉ tiêu, tiêu chí được UBND xã xác nhận, lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng.	Đạt
		15.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
16	Quốc phòng và an ninh	16.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu về Quốc phòng	Đạt

	16.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiêu khích đông người vượt cấp kéo dài; •	Đạt
	16.3. Không để xảy ra trọng án; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước	Đạt
	16.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an	Đạt

Phu lục 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....
THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc •

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp thôn đề nghị xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại
....., Ban Phát triển thôn tổ chức họp để lấy ý kiến thống nhất của người
dân về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

1. Ông (bà): - Chức vụ - Chủ trì cuộc họp;
2. Ông (bà): - Chức vụ, Thư ký cuộc họp.
3. Ông (bà): - Chức vụ
4. Đại diện các hộ gia đình trong thôn
- Tổng số gia đình trong thôn:..... hộ
- Tổng số hộ có đại diện tham dự cuộc họp:..... hộ; chiếm%

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Ông (bà):, Chủ trì cuộc họp thông qua báo cáo
kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm..... của thôn

2. Ý kiến phát biểu của các thành viên tham dự cuộc họp về báo cáo kết quả
thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm..... của thôn

-

-

3. Ban phát triển thôn thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại
diện các hộ dân về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới
(bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết. Nếu thực hiện theo hình thức lấy phiếu
phải ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu)

Kết quả bỏ phiếu:

- Số phiếu thống nhất:.....*phiếu, đạt%.
- Số phiếu không thống nhất:..... phiếu, đạt%.

4. Các ý kiến khác:

5. Thư ký hoàn thiện và thông qua biên bản cuộc họp

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày//,
các thành phần tham dự cuộc họp đã thống nhất nội dung biên bản

Biên bản này được lập thành bản; bản lưu tại thôn;
bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm...../.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phu lục 06

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

Số:/TTtr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện về việc thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND xã
Về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới;

UBND xã kính trình UBND huyện/thành phố
thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính)
2. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới đối với thôn (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã);
3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).
4. Kèm theo hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của thôn

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phu lục 07

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới của thôn năm

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Tờ trình ngày.../..... 20... của thôn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn, UBND xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn..... đã được UBND xã thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:/..... tiêu chí, đạt%.

(kèm theo biểu kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

.....

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

của thôn, xã huyện.....
(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / /20.... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo đi lại thuận tiện; Bề rộng nền tối thiểu là 3,0m; Bề rộng mặt tối thiểu là 2,0m; có các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo theo quy định	≥ 50%		
		1.2. Đường ngõ, xóm: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa; bề rộng mặt đường tối thiểu là 1,0m	≥ 50%		
		1.3. Đường trục chính nội đồng: Không lầy lội, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện.	Đạt		
2	Thủy lợi	2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%		
		2.2. Đáp ứng các yêu cầu về phòng chống thiên tai	Đạt		
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt		
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%		
4	Cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Nhà văn hóa thôn - Diện tích đất quy hoạch nhà văn hóa từ 100 m ² trở lên; - Có hội trường nhà văn hóa tối thiểu từ 50 chỗ ngồi trở lên; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì bảo đảm đủ chỗ ngồi tương ứng với số hộ trong thôn. - Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì chưa cần thiết có sân khấu.	Đạt		

		- Công trình phụ trợ: Có nhà vệ sinh, khuyến khích có tường rào bảo vệ. - Trang thiết bị: Đạt 80% trở lên; Trường hợp khó khăn kinh phí bảo đảm trang bị tối thiểu như bàn, ghế, các trang thiết bị còn lại sẽ bố trí dần qua các năm.			
		4.2. Có sân tập thể thao đơn giản	Đạt		
		4.3. Trường hợp sử dụng đình làng hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng khác làm nơi hoạt động văn hóa, thể thao mà đảm bảo diện tích, có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn của nhà văn hóa vẫn được tính có nhà văn hóa thôn.	Đạt		
5	Thông tin và truyền thông	5.1. Có dịch vụ viễn thông, internet đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trong thôn.	Đạt		
		5.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã hoặc hệ thống loa tại thôn đang sử dụng tốt cho mục đích thông tin, tuyên truyền	Đạt		
6	Nhà ở dân cư	6.1. Trên địa bàn thôn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	≥75%		
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn (triệu đồng/người/năm)	2019: ≥33 2020: ≥36		
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤ 12%		
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%		
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển công đồng	Đạt		

11	Giáo dục và đào tạo	11.1. Các tiêu chuẩn về người học đối với giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ được đảm bảo theo tiêu chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ	Đạt		
		11.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 70\%$		
		11.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 25\%$		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$		
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 26.7\%$		
13	Văn hóa	13.1. Thôn được công nhận và giữ danh hiệu “Thôn văn hóa”	Đạt		
		13.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	≥ 70		
		13.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan	≥ 75		
		13.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, bản; tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%		
14	Môi trường và an toàn thực phẩm	14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 90\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)		
		14.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%		
		14.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - Đẹp, an toàn	Đạt		
		14.4. Mai táng phù hợp theo quy định	Đạt		
		14.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung,	Đạt		

		cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định			
		14.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%		
		14.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%		
		14.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		
15	Hệ thống chính trị	15.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		
		15.2. Chi bộ đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”	Đạt		
		15.3. Các tổ chức đoàn thể đạt loại khá trở lên	Đạt		
		15.4. Có Ban phát triển thôn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận	Đạt		
		15.5. 100% người dân cam kết thực hiện quy ước, hương ước của cộng đồng	Đạt		
		15.6. Có kế hoạch thực hiện từng các chỉ tiêu, tiêu chí được UBND xã xác nhận, lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng.	Đạt		
		15.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
16	Quốc phòng và an ninh	16.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu về Quốc phòng	Đạt		
		16.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện	Đạt		

	đông người vượt cấp kéo dài;			
	16.3. Không để xảy ra trọng án; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước	Đạt		
	16.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an	Đạt		

Phu lục 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới của thôn năm

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại UBND xã (huyện, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Đoàn thẩm tra tiêu chí nông thôn mới của xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới của thôn;

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày//,
đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí
.....%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND
xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn
mới gửi UBND huyện bản./

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phu lục 09

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-VPĐP

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, đề nghị xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Báo cáo số/BC-ĐTĐ ngày/...../20..... của UBND Đoàn thẩm định thôn đạt chuẩn nông mới huyện về việc thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của Hội đồng thẩm định huyện Về việc xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Xét đề nghị của UBND xã..... tại tờ trình số...../TTTr-UBND ngày/...../20.... Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện kính trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

(1) Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới của thôn (bản chính);

(3) Biên bản cuộc họp xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện (bản chính);

(4) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của xã....

Kính đề nghị Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định thôn..... đạt chuẩn nông thôn mới năm/.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phu lục 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**
**ĐOÀN THẨM ĐỊNH THÔN ĐẠT
CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-ĐTĐ

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới của thôn: năm.....

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Tờ trình số...../TTr-UBND ngày /...../20.... của UBND xã..... Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn, Đoàn thẩm định báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Thời gian thẩm định (từ ngày / / đến ngày / /):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn..... đã được UBND huyện thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm định là:/..... tiêu chí, đạt%.

(kèm theo biểu kết quả thẩm định các tiêu chí nông thôn mới của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

.....

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. ĐOÀN THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG ĐOÀN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

của thôn, xã huyện.....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- ĐTD ngày / /20.... của Đoàn thẩm định thôn đạt chuẩn
nông thôn mới)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra	Kết quả thẩm định
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo đi lại thuận tiện; Bề rộng nền tối thiểu là 3,0m; Bề rộng mặt tối thiểu là 2,0m; có các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo theo quy định.	≥ 50%			
		1.2. Đường ngõ, xóm: Được cứng hóa mặt đường, các tuyến đường đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa; chiều rộng mặt đường tối thiểu là 1,0m	≥ 50%			
		1.3. Đường trục chính nội đồng: Không lầy lội, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện.	Đạt			
2	Thủy lợi	2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%			
		2.2. Đáp ứng các yêu cầu về phòng chống thiên tai	Đạt			
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt			
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%			
4	Cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Nhà văn hóa thôn - Diện tích đất quy hoạch nhà văn hóa từ 100 m ² trở lên; - Có hội trường nhà văn hóa tối thiểu từ 50 chỗ ngồi trở lên; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì bảo đảm đủ chỗ, ngồi tương ứng với số hộ trong thôn. - Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; trường hợp khó khăn về	Đạt			

		<p>mặt bằng thì chưa cần thiết có sân khấu.</p> <p>- Công trình phụ trợ: Có nhà vệ sinh, khuyến khích có tường rào bảo vệ.</p> <p>- Trang thiết bị: Đạt 80% trở lên; Trường hợp khó khăn kinh phí bảo đảm trang bị tối thiểu như bàn, ghế, các trang thiết bị còn lại sẽ bố trí dần qua các năm.</p>				
		4.2. Có sân tập thể thao đơn giản	Đạt			
		4.3. Trường hợp sử dụng đình làng hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng khác làm nơi hoạt động văn hóa, thể thao mà đảm bảo diện tích, có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn của nhà văn hóa vẫn được tính có nhà văn hóa thôn.	Đạt			
5	Thông tin và truyền thông	5.1. Có dịch vụ viễn thông, internet đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trong thôn.	Đạt			
		5.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã hoặc hệ thống loa tại thôn đang sử dụng tốt cho mục đích thông tin, tuyên truyền	Đạt			
6	Nhà ở dân cư	6.1. Trên địa bàn thôn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát	Đạt			
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	≥75%			
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn (triệu đồng/người/năm)	2019: ≥33 2020: ≥36			
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤ 12%			
9	Lao động có việc	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%			

	làm				
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển công đồng	Đạt		
11	Giáo dục và đào tạo	11.1. Các tiêu chuẩn về người học đối với giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ được đảm bảo theo tiêu chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ	Đạt		
		11.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 70\%$		
		11.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 25\%$		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$		
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 26.7\%$		
13	Văn hóa	13.1. Thôn được công nhận và giữ danh hiệu “Thôn văn hóa”	Đạt		
		13.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	≥ 70		
		13.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan	≥ 75		
		13.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, bản; tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%		
14	Môi trường và an toàn	14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 90\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)		

	thực phẩm	14.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%			
		14.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - Đẹp, an toàn	Đạt			
		14.4. Mai táng phù hợp theo quy định	Đạt			
		14.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt			
		14.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%			
		14.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%			
		14.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%			
15	Hệ thống chính trị	15.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt			
		15.2. Chi bộ đạt "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ"	Đạt			
		15.3. Các tổ chức đoàn thể đạt loại khá trở lên	Đạt			
		15.4. Có Ban phát triển thôn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận	Đạt			
		15.5. 100% người dân cam kết thực hiện quy ước, hương ước của cộng đồng	Đạt			
		15.6. Có kế hoạch thực hiện từng các chỉ tiêu, tiêu chí được UBND xã xác nhận, lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng.	Đạt			

		15.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt			
16	Quốc phòng và an ninh	16.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu về Quốc phòng	Đạt			
		16.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người vượt cấp kéo dài;	Đạt			
		16.3. Không để xảy ra trọng án; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giám so với năm trước	Đạt			
		16.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an	Đạt			

Phu lục 11

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận thônđạt chuẩn nông thôn mới năm.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới

Căn cứ Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../20.... của UBND xã..... Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... UBND huyện tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CỤỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Đoàn thẩm định trình bày Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của thôn

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn

-
-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày//,
đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí
.....%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND
xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn
mới trình Chủ tịch UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 12

MẪU BẢNG CÔNG NHẬN THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(Quốc huy)	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ	
CÔNG NHẬN	
Thôn, xã, huyện/thành phố	
Đạt chuẩn nông thôn mới năm	
Quyết định số:/QĐ-UBND ngày / /, ngày tháng năm
Vào Sổ số:/QĐ-UBND	CHỦ TỊCH

Yêu cầu:

1. Kích thước:

- Chiều dài: 640 mm, chiều rộng: 480 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 625 mm, chiều rộng 355 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (3)
- Dòng 4: Công nhận (4)
- Dòng 5: Tên thôn, xã, huyện (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn nông thôn mới năm... (6)

Khoảng trống

- Dòng 7:
- + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)

+ Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)

- Dòng 8:

+ Bên trái: Số số vàng (9)

+ Bên phải: Thẩm quyền ký (10) :

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (11)

Ghi chú:

- (1): In hình Quốc huy.

- (2): Quốc hiệu:

+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).

+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),

(3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).

(4): Chữ in, màu đen.

(5): Chữ in, màu đỏ.

- (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.

- (10): Chữ in, màu đen.

- (11): Chữ thường, màu đen.

- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.